

Hải Dương, ngày 22 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG
NĂM: 2018

(Phụ lục số 04 - Ban hành theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương
- Giấy chứng nhận ĐKDN số: 0800282498
- Vốn điều lệ: 17.174.100.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 17.174.100.000 đồng
- Địa chỉ: Khu 2, thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
- Điện thoại: 02203.821338
- Số Fax: 02203.821.557
- Website: www.Khoangsanhaiduong.com
- Email: Hamicokshd@gmail.com
- Mã cổ phiếu: KHD

❖ Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương (Công ty) tiền thân là mỏ đá vôi Thống Nhất Hải Hưng, được thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 8 năm 1958.
- Từ ngày 15/9/1992 UBND tỉnh Hải Hưng thành lập doanh nghiệp nhà nước: Mỏ đá vôi Thống Nhất, trực thuộc sở xây dựng Hải Hưng.
- Từ ngày 15/8/1997 UBND tỉnh Hải Dương đổi tên mỏ đá vôi Thống Nhất thành Công ty khai thác, chế biến đá và khoáng sản Hải Dương.
- Tháng 7/2003: Theo quyết định số 2740/QĐ-UB ngày 04/7/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương phê duyệt phương án cổ phần hóa, chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty khai thác, chế biến đá và khoáng sản Hải Dương thành Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương. Do vậy từ tháng 8/2003 Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

- Ngày 03/9/2013 Công ty chính thức là Công ty đại chúng theo công văn chấp thuận số: 5547/UBCK-QLPH ngày 03/9/2013 của Ủy ban chứng khoán nhà nước, với mức vốn điều lệ là 11.449.400.000 đồng.
- Ngày 07/01/2014 Công ty đã được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 02/2014/GCNCP-VSD, theo đó Công ty đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán kể từ ngày 07/01/2014.
- Ngày 05/06/2015 Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án phát hành thêm 572.470 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Công ty đã hoàn tất việc phát hành thêm cổ phiếu theo quy định và đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận, được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận Đăng ký chứng khoán thay đổi lần thứ nhất số 02/2014/GCNCP-VSD-1 ngày 23/09/2015 với số lượng chứng khoán đăng ký là 1.717.410 cổ phần, tổng giá trị là 17.174.100.000 đồng.
- Ngày 12/12/2016 Công ty nhận được Quyết định số 818/QĐ-SGDHN của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu; Ngày 22/12/2016 cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCoM. Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch là 1.717.410 cổ phiếu với tổng giá trị là 17.174.100.000 đồng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

❖ Ngành nghề kinh doanh chính:

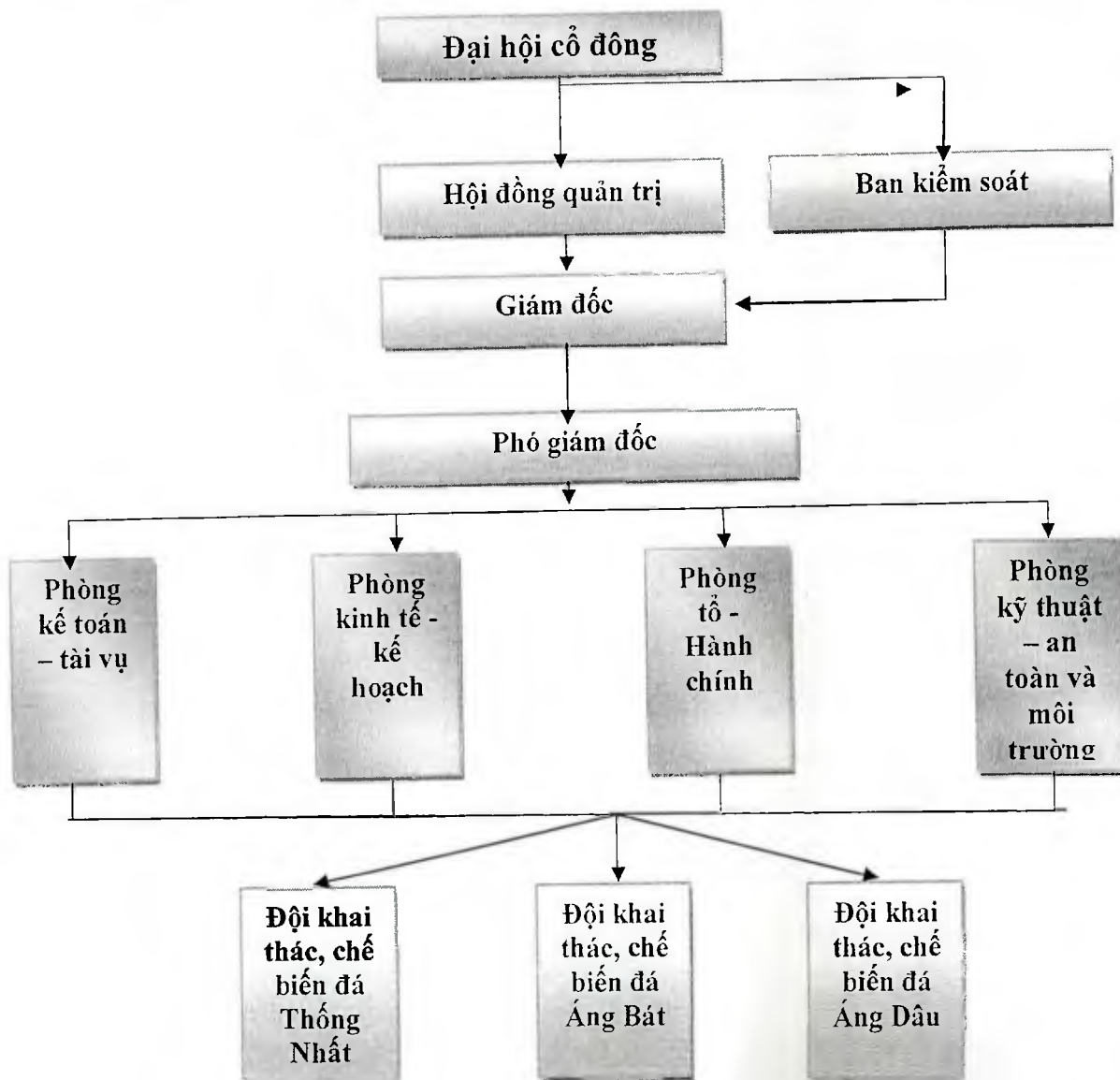
Khai thác, chế biến đá làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng thông thường.

❖ Địa bàn kinh doanh:

Trụ sở Công ty: Khu 2, thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Các đơn vị sản xuất thuộc địa bàn TT Minh Tân, Thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



3.1 Mô hình quản trị

❖ Đại Hội Đồng Cổ đông

Đại Hội Đồng Cổ đông là tổ chức quyền lực có thẩm quyền cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại Hội Đồng Cổ đông có trách nhiệm đưa ra những chính sách dài hạn và ngắn hạn về việc phát triển của Công ty, bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty, các thẩm quyền khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp 2014.

❖ **Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi và hoạt động của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng các kế hoạch kinh doanh, đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

❖ **Ban Kiểm soát**

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại Hội Đồng cổ đông, do Đại hội Đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

3.2 Cơ cấu quản lý Công ty

❖ **Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc là cơ quan điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty. Giám đốc Công ty là người chịu trách nhiệm cao nhất trước Đại hội Đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, và pháp luật về toàn bộ việc tổ chức kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty.

❖ **Các phòng ban chức năng:** Hiện tại Công ty có 04 phòng chức năng thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động kinh doanh được hiệu quả.

- ✓ Phòng kế toán tài vụ: Tham mưu cho Giám đốc công ty về thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản của Công ty, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về mặt công tác tài chính và hoạt động kế toán toàn Công ty theo quy định của Nhà nước và quy chế của Công ty.
- ✓ Phòng kinh tế - kế hoạch: Tham mưu cho giám đốc trong việc ra quyết định về kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm máy móc thiết bị, quyết định khoán chi phí, kế hoạch cung ứng vật tư, nguyên liệu để đảm bảo sản xuất của Công ty. Ngoài ra phòng KT-KH còn có nhiệm vụ tham mưu cho Giám đốc về công tác bán hàng như: tiếp thị, giới thiệu sản phẩm, phát triển thị trường, theo dõi các hợp đồng kinh tế....
- ✓ Phòng kỹ thuật - an toàn và môi trường: Tham mưu cho Giám đốc Công ty trong công tác quản lý khai thác các mỏ, chịu trách nhiệm huấn luyện an toàn lao động theo từng công việc đối với công nhân và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về mọi chế độ chính sách về bảo hiểm lao động của công nhân viên chức theo luật định.

- ✓ Phòng tổ chức – hành chính: Tham mưu cho Giám đốc về công tác tổ chức cán bộ, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho công nhân viên, chịu trách nhiệm về công tác quản lý lao động, triển khai thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước liên quan đến người lao động. Chịu trách nhiệm về công tác an ninh trật tự, bảo đảm an toàn về tài sản trong toàn Công ty, đồng thời phụ trách đời sống văn hoá, thể dục thể thao, phát động các phong trào thi đua, khen thưởng các hoạt động phong trào của Công ty. Quản lý toàn bộ diện tích đất của Công ty.

❖ **Các đội sản xuất:**

Hiện tại Công ty có 03 đội sản xuất, bao gồm:

- ✓ Đội khai thác, chế biến đá Thống Nhất
- ✓ Đội khai thác, chế biến đá Áng Bát
- ✓ Đội khai thác, chế biến đá Áng Dầu

Đây là những đội sản xuất tham gia trực tiếp vào quá trình khai thác và chế biến sản phẩm. Mỗi đội sản xuất bao gồm đội trưởng, đội phó, nhân viên kỹ thuật, nhân viên kinh tế và công nhân sản xuất trực tiếp.

3.3 Các công ty con/Công ty liên kết

❖ **Công ty con: 01**

Tên Công ty: Công ty cổ phần Đức Chung Thái Nguyên

Địa chỉ: Xóm Làng Mới 1, xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Khai thác, chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường

Vốn điều lệ thực góp: 12.060.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty con: 99,99%

❖ **Công ty liên kết: Không**

4. Định hướng phát triển

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- ✓ Hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, trên cơ sở ổn định doanh nghiệp, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động, bảo toàn được vốn của các cổ đông, vốn của doanh nghiệp.
- ✓ Hoàn thành kế hoạch do Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra, thực hiện tốt công tác an toàn lao động, giữ gìn an ninh trật tự trong doanh nghiệp. Thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng, các tổ chức đoàn thể và các mặt công tác khác tại doanh nghiệp.

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- ✓ Xây dựng Công ty theo hướng phát triển bền vững, tốc độ tăng trưởng ổn định có tính cạnh tranh cao. Phát huy uy tín thương hiệu đã đạt được, tiếp tục đầu tư phát triển trong lĩnh vực khai thác khoáng sản và chế biến vật liệu xây dựng.
- ✓ Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, áp dụng khoa học kỹ thuật công nghệ tiên tiến hiện đại, nâng cao năng lực kinh doanh, phát triển và mở rộng liên doanh liên kết với các đối tác để phát triển năng lực của Công ty.
- ✓ Thực hiện đúng các quy định của pháp luật đối với các hoạt động sản xuất của Công ty.

4.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) của Cty.

Phát triển doanh nghiệp phải gắn liền với mục tiêu bảo vệ môi trường, có trách nhiệm với xã hội, làm công tác xã hội từ thiện, đóng góp vào sự phát triển của xã hội và cộng đồng.

5. Các rủi ro

- ✓ Rủi ro về pháp luật: Nhà nước có những quy định chặt chẽ về lĩnh vực khoáng sản. Công ty chịu sự điều chỉnh bởi các quy định của pháp luật như: Luật doanh nghiệp; Luật chứng khoán; Luật quản lý thuế; Luật lao động, BHXH; Luật khoáng sản; Luật môi trường... Mọi sự thay đổi chính sách pháp luật của Nhà nước đều đem đến rủi ro nhất định cho doanh nghiệp, bởi bất kỳ sự thay đổi nào cũng có thể ảnh hưởng đến chiến lược và hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- ✓ Rủi ro về nguyên liệu đầu vào: Khoáng sản là tài nguyên không tái tạo và có trữ lượng hạn chế đây là khó khăn đặc trưng của Công ty. Ngoài ra các yếu tố về trữ lượng, chất lượng khoáng sản...cũng một phần ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ✓ Rủi ro về thời tiết: Đây là rủi ro khá đặc thù của ngành khoáng sản. Tất cả các mỏ đá của Công ty đều lộ thiên. Vì vậy, những thay đổi của thời tiết sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc khai thác mỏ, chế biến sản phẩm, độ an toàn và sản lượng khai thác của doanh nghiệp.
- ✓ Rủi ro về môi trường: Việc khai thác có thể gây ảnh hưởng đến môi trường. Điều này cũng gây tiềm ẩn rủi ro bị rơi vào các vụ tranh cãi pháp lý.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2018 là năm thứ ba thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 5 năm 2016-2020, bên cạnh những thuận lợi, Công ty cũng gặp phải không ít khó khăn,

thách thức, phải chịu tác động của nhiều yếu tố, đặc biệt là yếu tố liên quan đến chính sách thuế của nhà nước (thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, phí cấp quyền khai thác, phí hoàn nguyên môi trường...) đã ảnh hưởng đến việc duy trì sản xuất và khả năng hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2018 của Công ty.

Ngay từ đầu năm khi đã nhận thức được những khó khăn, Công ty đã triển khai đồng bộ các biện pháp như: điều tiết trong sản xuất, thay đổi công nghệ chế biến đá; cắt giảm chi phí sản xuất; điều chỉnh linh hoạt giá bán.... Tuy nhiên, do khó khăn lớn về thị trường tiêu thụ lên việc sản xuất chỉ duy trì để tạo việc làm và thu nhập cho người lao động, chỉ tiêu sản lượng sản xuất, tiêu thụ, doanh thu không đạt kế hoạch đề ra.

Tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty đạt được như sau:

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch 2018 | Thực hiện 2018 | Thực hiện 2017 | So sánh % | |
|------------------------------|----------------|---------------|----------------|----------------|-----------|---------|
| | | | | | KH 2018 | TH 2017 |
| 1. Sản lượng sản xuất | | | | | | |
| + Sản xuất đá các loại | M ³ | 1.287.600 | 1.068.496 | 1.211.050 | 82,98% | 88,23% |
| + Sản xuất cát nghiền | " | 45.000 | 17.588 | 28.645 | 39,08% | 61,40% |
| 2. Sản lượng tiêu thụ | | | | | | |
| + Tiêu thụ đá các loại | " | 1.287.600 | 985.522,9 | 1.240.132 | 76,54% | 79,47% |
| + Tiêu thụ cát nghiền | " | 45.000 | 16.752 | 26.604,5 | 37,23% | 62,97% |
| 3. Doanh thu | Tr.đ | 141.700 | 117.978,5 | 143.518,9 | 83,25% | 82,20% |
| 4. Lợi nhuận sau thuế | " | 7.500 | 8.599,1 | 7.551,1 | 114,6% | 113,87% |
| 5. Các khoản nộp ngân sách | " | 30.000 | 29.203,1 | 33.449,1 | 97,34% | 87,31% |

Sản lượng sản xuất đá các loại đạt 82,98% kế hoạch, giảm so với năm 2017; sản lượng tiêu thụ đá chỉ đạt 76,54% kế hoạch, giảm so với cùng kỳ; Doanh thu chỉ đạt 83,25% kế hoạch, giảm so với cùng kỳ. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế lại vượt hoạch 14,6% và tăng so với cùng kỳ.

2. Tổ chức và nhân sự

❖ Danh sách ban điều hành:

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số lượng cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ | Ghi chú |
|-----|-----------|---------|--------------------------|-------|---------|
|-----|-----------|---------|--------------------------|-------|---------|

| | | | | |
|---|------------------|----------------|--------|-------|
| 1 | Đào Văn Dũng | Giám đốc | 48.290 | 2,81% |
| 2 | Đỗ Quang Mạnh | Phó giám đốc | 45.375 | 2,64% |
| 3 | Đoàn Văn Cường | Phó giám đốc | 12.895 | 0,75% |
| 4 | Nguyễn Hữu Khiêm | Kế toán trưởng | 16.209 | 0,94% |

❖ **Sơ yếu lý lịch ban điều hành:**

✓ **Ông Đào Văn Dũng – Giám đốc**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 28/11/1966
- Chứng minh nhân dân: 141700840, Ngày cấp: 11/12/2008, Nơi cấp: CA Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Đồng Ngọ - Nam Đồng – TP Hải Dương – Hải Dương
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế mở

✓ **Ông Đỗ Quang Mạnh - Phó giám đốc:**

- Họ và tên: Đỗ Quang Mạnh
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15/03/1965
- Chứng minh nhân dân: 140340892 Ngày cấp: 09/01/2010 Nơi cấp: CA Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Khu 2, TT Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế mở

môn:

✓ Ông Đoàn Văn Cường - Phó giám đốc:

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 12/12/1979
- Chứng minh nhân dân: 141822720, Ngày cấp 05/04/2011, CA Hải Dương cấp.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tp Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác

✓ Ông Nguyễn Hữu Khiêm – Kế toán trưởng:

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 21/03/1980
- Chứng minh nhân dân: 100726346, Ngày cấp 28/05/2015, CA Quảng Ninh cấp
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Khu 2, TT Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán, Cử nhân Quản trị kinh doanh.

❖ Những thay đổi trong ban điều hành: Không

❖ Số lượng cán bộ nhân viên:

| STT | Tính chất phân loại | Số lượng | Tỷ lệ |
|-----|-------------------------|----------|-------|
| A | Theo trình độ | 354 | 100% |
| 1 | Dại học và trên đại học | 37 | 10,5% |
| 2 | Cao đẳng | 5 | 1,4% |

| | | | |
|----------|---------------------------------|------------|-------------|
| 3 | Nghề, sơ cấp | 190 | 53,6% |
| 4 | Phổ thông | 122 | 34,5% |
| B | Theo tính chất công việc | 354 | 100% |
| 1 | Lao động gián tiếp | 110 | 31,1% |
| 2 | Lao động trực tiếp | 244 | 68,9% |

❖ **Chính sách đối với người lao động:**

- ✓ Thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định đối với người lao động(Tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN; Bảo hộ lao động, bồi dưỡng độc hại; khám sức khỏe định kỳ; Ốm đau, thai sản...).
- ✓ Thông qua tổ chức công đoàn, các quyền lợi khác của người lao động được thực hiện đúng quy định(Tiền thưởng, thăm quan du lịch, cưới hỏi, ốm đau...).
- ✓ Thực hiện trả lương theo đơn giá khoán sản phẩm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

❖ **Các khoản đầu tư lớn:** Thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển mở rộng địa bàn kinh doanh, Công ty đã đầu tư thông qua hình thức mua lại vốn góp (cổ phần) của các cổ đông đang sở hữu tại Công ty cổ phần Đức Chung Thái Nguyên (MDN 4601324133, địa chỉ Xóm Làng Mới, xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, vốn điều lệ 12.060.000.000 đồng- Công ty đang sở hữu mỏ đá Hang Trai 2 với trữ lượng khai thác là 5,1 triệu m³ thời hạn khai thác 30 năm). Tổng giá trị đã đầu tư là: 27.132.277.500 đồng để sở hữu 1.205.879 cổ phần chiếm 99,99% vốn tại Công ty cổ phần Đức Chung Thái Nguyên. Nguồn vốn thực hiện dự án bao gồm vốn tự có(Lợi nhuận để lại) và vốn vay.

❖ **Các công ty con:**

- Công ty cổ phần Đức Chung Thái Nguyên:

+ Công ty cổ phần Đức Chung Thái Nguyên hoạt động theo mã số doanh nghiệp 4601324133, địa chỉ Xóm Làng Mới, xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, vốn điều lệ 12.060.000.000 đồng- Công ty đang sở hữu mỏ đá Hang Trai 2 với trữ lượng khai thác là 5,1 triệu m³ thời hạn khai thác 30 năm).

+ Tình hình tài chính: Đến 31/12/2018 tổng tài sản là 22.775 triệu đồng trong đó tài sản ngắn hạn 404 triệu còn lại là tài sản dài hạn. Tổng nguồn vốn 22.775 triệu đồng, trong đó nợ phải trả 10.974 triệu đồng vốn chủ 11.801 triệu đồng.

4. Tình hình tài chính

❖ Tình hình tài chính

Đơn vị: VNĐ

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2017 | Năm 2018 | % tăng giảm |
|-----|-----------------------------------|-----------------|-----------------|-------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 71.962.839.433 | 93.146.123.100 | +29,4% |
| 2 | Doanh thu thuần | 143.518.874.697 | 117.978.580.595 | -17,8% |
| 3 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 9.803.581.720 | 9.972.075.109 | +1,7% |
| 4 | Lợi nhuận khác | (235.769.439) | 397.977.285 | +268,8% |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 9.567.812.281 | 10.370.052.394 | +8,4% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 7.551.123.228 | 8.098.432.955 | +7,2% |
| 7 | Tỷ lệ trả cổ tức (%) | 20 | 90* | +450% |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2018

(*) Tỷ lệ trả cổ tức dự kiến

❖ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2017 | Năm 2018 | Ghi chú |
|--|-------------|----------|----------|---------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn | Lần | 1,64 | 0,85 | |
| + Hệ số thanh toán nhanh Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn | Lần | 1,28 | 0,46 | |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | | |
| + Hệ số nợ/Tổng tài sản | % | 52.46 | 62.87 | |

| | | | |
|--|------|--------|--------|
| + Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 110,37 | 169,33 |
| Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| + Vòng quay hành tồn kho: | | | |
| <u>Giá vốn hàng bán</u> | Vòng | 10,51 | 8,01 |
| Hàng tồn kho bình quân | | | |
| + Vòng quay tổng tài sản | | | |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản | Vòng | 1,27 | 1,99 |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | % | 5,26 | 6,86 |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu(ROE) | % | 22,07 | 23,41 |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản(ROA) | % | 10,49 | 8,69 |
| + Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần. | % | 6,83 | 8,45 |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

❖ Cổ phần

- ✓ Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương
- ✓ Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- ✓ Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- ✓ Tổng số cổ phần:
 - Số lượng cổ phần đang lưu hành: 1.717.410 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 1.717.410 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu

❖ Cơ cấu cổ đông:

| STT | Thành phần | Số lượng cổ đông | Số cổ phần | Tỷ lệ |
|-----|------------|------------------|------------|-------|
|-----|------------|------------------|------------|-------|

| I Cổ đông trong nước | | | | |
|------------------------------|---------|------------|------------------|--------------|
| 1 | Tổ chức | 01 | 613.116 | 35,7% |
| 2 | Cá nhân | 324 | 1.098.094 | 63,9% |
| Tổng | | 325 | 1.717.210 | 99,6% |
| II Cổ đông nước ngoài | | | | |
| 1 | Tổ chức | 1 | 6.200 | 0,4% |
| 2 | Cá nhân | 0 | 0 | 0% |
| Tổng | | 0 | 0 | 0% |
| III Cổ phiếu quỹ | | | | |
| Tổng cộng: | | 326 | 1.717.410 | 100% |

- ❖ Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không
- ❖ Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không
- ❖ Các chứng khoán khác: Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

❖ Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh:

✓ Thuận lợi:

Tập thể CBCNV - người lao động trong Công ty có tinh thần đoàn kết, thống nhất, tích cực hăng say lao động sản xuất, có ý thức trách nhiệm cao trong công việc. Đội ngũ CBCN kỹ thuật có tay nghề cao, có kinh nghiệm trong khai thác, chế biến đá các loại, đáp ứng được yêu cầu của thị trường về chất lượng, chủng loại sản phẩm.

Hệ thống máy móc thiết bị, công nghệ khai thác, chế biến đá đồng bộ, công suất khai thác, chế biến đá lớn, mặt bằng sản xuất rộng, có vị trí thuận lợi cho hoạt động khai thác, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

✓ Khó khăn:

Điều kiện làm việc chủ yếu ở ngoài trời, trên núi cao, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và chịu ảnh hưởng rất nhiều của thời tiết.

Một số mỏ đá vôi trữ lượng còn lại ít, đang khai thác tận thu, chất lượng xấu, chi phí sản xuất cao...

✓ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018:

Năm 2018 chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch đề ra và tăng so với cùng kỳ, còn các chỉ tiêu khác như: Doanh thu, sản lượng chế biến và tiêu thụ đều không đạt kế hoạch năm và giảm so với năm 2017 là do:

Thị trường tiêu thụ bị thu hẹp: Các công trình xây dựng của Nhà nước (sử dụng số lượng lớn sản phẩm của Công ty) đã hoàn thiện, nhu cầu xây dựng dân sinh giảm.

Từ các nguyên nhân trên dẫn đến sản lượng sản xuất, tiêu thụ và doanh thu không đạt kế hoạch và giảm so với năm 2017.

❖ **Những tiên bộ Công ty đã đạt được**

- Chất lượng trong công tác tài chính - kế toán được nâng cao, sử dụng vốn hợp lý, kịp thời cho nhu cầu sản xuất kinh doanh. Tuân thủ chế độ báo cáo tài chính áp dụng cho công ty đại chúng, chất lượng hạch toán, kê khai, quyết toán thuế kịp thời.
- Việc thực hiện công tác bán hàng đúng theo các quy định của pháp luật, theo quy chế quản lý sản phẩm của Công ty, không còn để khách hàng nợ đọng kéo dài.
- Tăng cường và nâng cao chất lượng hoạt động theo phân công của Hội đồng quản trị đã phát huy tốt năng lực của các thành viên HĐQT trong việc lãnh đạo, giám sát, đảm bảo hoạt động đúng định hướng, tuân thủ Điều lệ và các quy chế, quy trình, bảo vệ lợi ích của Công ty.
- Phân công nhiệm vụ trong Ban giám đốc rõ ràng, cụ thể tạo được sự đồng thuận, phát huy được vai trò, khả năng của từng cá nhân trong từng vị trí quản lý và điều hành.

2. Tình hình tài chính

❖ **Tình hình tài sản**

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2017 | | Năm 2018 | | 2018/2017 |
|--------------------------|-----------------|-------------|-----------------|-------------|----------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | |
| Tài sản ngắn hạn | 39.388,6 | 54,73% | 31.753,4 | 34,09% | -19,38% |
| Tài sản dài hạn | 32.574,2 | 45,27% | 61.392,7 | 65,91% | +88,47% |
| Tổng cộng tài sản | 71.962,8 | 100% | 93.146,1 | 100% | +29,43% |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2018

Trong năm 2018 có biến động lớn về giá trị tài sản của Công ty so với năm 2017: tổng tài sản đạt 93,1 tỷ đồng tăng 29,43% so với năm 2017. Cơ cấu tài

sản cũng có sự thay đổi: Tài sản ngắn hạn đạt : 31,7 tỷ đồng giảm 19,38% so với năm 2017, trong khi tài sản dài hạn đạt: 61,4 tỷ đồng tăng 88,5% so với năm 2017.

Về tài sản ngắn hạn: Tiền và các khoản tương đương tiền là chỉ tiêu giảm mạnh trong cơ cấu tài sản ngắn hạn với giá trị giảm 14 tỷ (tương đương mức giảm 72,16%). Trong khi đó chỉ tiêu hàng tồn kho tăng 5,6 tỷ (tương đương mức tăng 64,37%) so với cùng kỳ.

Về cơ cấu tài sản dài hạn: Trong năm 2018 có biến động lớn về tài sản dài hạn: các chỉ tiêu đều tăng với tổng giá trị tăng là 28,8 tỷ đồng (tương đương với mức tăng là 88,47%).

❖ Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2017 | | Năm 2018 | | 2018/2017 |
|-------------|----------|----------|----------|----------|-----------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | |
| Nợ ngắn hạn | 24.012,8 | 63,60% | 37.446,8 | 63,94% | +55,94% |
| Nợ dài hạn | 13.741,6 | 36,40% | 21.114,4 | 36,06% | +53,65% |
| Tổng nợ | 37.754,4 | 100% | 58.561,2 | 100% | +55,11% |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2018

Trong năm 2018 không có nhiều biến động trong cơ cấu nợ phải trả, tỷ trọng hai nhóm nợ này không thay đổi với 63,94% là nợ ngắn hạn và 36,06% là nợ dài hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật liên quan đến tất cả các hoạt động của Công ty.

Cơ chế chính sách quản lý của Công ty ngày càng hoàn thiện, phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chính sách khoán vẫn được xem xét áp dụng trong toàn Công ty, việc áp dụng linh hoạt chính sách khoán phù hợp với thực tế tại từng thời điểm.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Công ty đề ra các giải pháp cụ thể để thực hiện các mục tiêu chủ yếu cũng như thực hiện chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- ✓ Nghiên cứu từng bước để mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh, ngành nghề kinh doanh dưới các hình thức như liên doanh, hợp tác đầu tư thành lập thêm các chi nhánh tại các vùng miền khác nhau đặc biệt là các tỉnh phía Bắc nhằm tận dụng lợi thế về thương hiệu, cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực.

- ✓ Về thị trường: Duy trì, tạo mối quan hệ tốt đối với các khách hàng truyền thống, tận dụng lợi thế về thương hiệu, cơ sở hạ tầng, mặt bằng bến bãi để phát triển thị trường mới.
- ✓ Về sản phẩm: Duy trì và phát huy các sản phẩm có thế mạnh của Công ty, kiểm soát chặt chẽ công tác giao khoán sản phẩm nhằm tập trung nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao chi phí. Nghiên cứu cải tiến công nghệ chế biến nhằm đa dạng hóa sản phẩm cũng như tận thu tối đa các sản phẩm thu hồi.
- ✓ Về tài chính: Tuân thủ nghiêm túc các quy định hiện hành của pháp luật về công tác quản lý tài chính doanh nghiệp, quản lý dòng tiền một cách hợp lý, kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất kinh doanh, chi phí đầu tư.
- ✓ Về nhân lực: Làm tốt công tác lập kế hoạch nguồn nhân lực cho từng năm, từng giai đoạn, bố trí sử dụng và chế độ đãi ngộ đối với từng chức danh, từng công việc; phân phối thành quả lao động phù hợp với công sức đóng góp của mỗi thành viên trong quá trình sản xuất. Duy trì chính sách khoán sản phẩm tới từng tổ sản xuất nhằm kích thích tinh thần làm việc tích cực và nâng cao trình độ quản lý và điều hành sản xuất của mọi thành viên trong doanh nghiệp.

Với thực lực hiện có của Công ty kết hợp với việc xem xét và đánh giá một cách thận trọng những yếu tố thuận lợi và khó khăn sắp tới. Công ty dự kiến xây dựng kế hoạch năm 2019(Công ty mẹ) với một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch 2019 | Ghi chú |
|---------------------------|----------------|---------------|---------|
| 1.Sản lượng sản xuất | M ³ | | |
| + Đá các loại | " | 1.200.000 | |
| + Cát nghiền | " | 36.000 | |
| 2.Sản lượng tiêu thụ | " | | |
| + Đá các loại | | 1.280.000 | |
| + Cát nghiền | " | 36.000 | |
| 3.Doanh thu | Tr.đ | 138.200 | |
| 4.Lợi nhuận sau thuế | " | 7.500 | |
| 5.Các khoản nộp ngân sách | " | 30.000 | |

5. Giải trình của Ban giám đốc với ý kiến kiểm toán nếu có: Không

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2018 với khó khăn về thị trường tiêu thụ đã tác động lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty: Sản lượng sản xuất, sản lượng tiêu thụ và doanh thu không đạt kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, HĐQT và Ban giám đốc đã bám sát mục tiêu nhiệm vụ để chỉ đạo cùng với sự nỗ lực phấn đấu, đoàn kết của tập thể cán bộ công nhân viên Công ty từ đó đem lại hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, lợi nhuận sau thuế tăng so với kế hoạch (tăng 14,6%).

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ban giám đốc Công ty

Ban Giám đốc gồm 03 thành viên, trong đó chức danh Giám đốc do Phó chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm và 01 Phó giám đốc do thành viên HĐQT kiêm nhiệm, đây là thuận lợi giúp công tác điều hành được sâu sát và nhất quán trong việc triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT.

Ban Giám đốc đã thực hiện đúng chức năng quản lý điều hành trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện nghiêm chỉnh các Nghị quyết HĐQT, Nghị quyết ĐHĐCĐ, năng động, sáng tạo, đoàn kết và quyết tâm trong điều hành kinh doanh.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

❖ Đối với công tác quản lý

Xây dựng các trương trình hoạt động của HĐQT cho năm 2019 để chỉ đạo, quản lý điều hành doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao. Tiếp tục duy trì các phiên họp thường kỳ, ít nhất mỗi quý một lần để bàn bạc, thảo luận chiến lược kinh doanh, định hướng hoạt động của Công ty, thông qua các báo cáo, kế hoạch kinh doanh của Ban giám đốc.

Giám sát chặt chẽ, chỉ đạo kịp thời và kiên quyết các hoạt động của Ban Giám đốc trong việc triển khai và tổ chức thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

Tuân thủ và hoạt động theo Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

● Đối với hoạt động kinh doanh

Duy trì ổn định các mỏ hiện có chuẩn bị cơ bản các điều kiện để tiến tới mở rộng khai thác xuống sâu tại mỏ Phúc Sơn, Núi Sẻ và Hàm Long.

Tập trung tối đa cho công tác bán hàng nhằm giảm hàng tồn kho bằng các giải pháp phù hợp tại từng thời điểm.

Tích cực hỗ trợ nhằm nâng cao công tác quản trị điều hành tại Công ty cổ phần Đức Chung Thái Nguyên nhằm sớm đưa Công ty đi vào hoạt động.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

❖ Thành viên Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Số lượng CP đang nắm giữ | Tỷ lệ sở hữu | Ghi chú |
|-------------------|-------------------|--------------------------|--------------|---------|
| Ông Phạm Thành Đô | Chủ tịch HĐQT | - | - | |
| Ông Đào Văn Dũng | Phó chủ tịch HĐQT | 48.290 | 2,81% | |
| Ông Đỗ Quang Mạnh | Thành viên HĐQT | 45.375 | 2,64% | |
| Ông Trần Văn Sừ | Thành viên HĐQT | 33.945 | 1,98% | |
| Ông Vũ Thăng Bình | Thành viên HĐQT | - | - | |

❖ Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị chưa lập các tiểu ban

Tiểu ban Thư ký HĐQT gồm có 01 thành viên là ông Nguyễn Hữu Khiêm, đóng vai trò giúp việc cho các thành viên HĐQT, đảm bảo cho việc tổ chức các cuộc họp đúng trình tự, thủ tục theo qui định.

❖ Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2018, HĐQT tổ chức 11 cuộc họp (trong đó có 03 lần xin ý kiến bằng văn bản) để nghe báo cáo và đề xuất của Ban giám đốc, từ đó nắm bắt tình hình chủ động xây dựng chiến lược phát triển phù hợp với từng giai đoạn của Công ty, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, điều lệ Công ty nhằm thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh.

| Họ và tên | Chức vụ | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự |
|----------------------|-------------------|---------------------|-------------------|---------------------|
| 1. Ông Phạm Thành Đô | Chủ tịch HĐQT | 11/11 | 100% | |
| 2. Ông Đào Văn Dũng | Phó chủ tịch HĐQT | 11/11 | 100% | |

| | | | |
|----------------------|-----------------|-------|------|
| 3. Ông Đỗ Quang Mạnh | Thành viên HĐQT | 11/11 | 100% |
| 4. Ông Trần Văn Sừ | Thành viên HĐQT | 11/11 | 100% |
| 5. Ông Vũ Thắng Bình | Thành viên HĐQT | 11/11 | 100% |

Hội đồng quản trị đã linh động đề ra những chỉ đạo phù hợp thông qua các Nghị quyết, Quyết định được thống nhất bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại các cuộc họp. Nhờ vậy, công tác chỉ đạo luôn kịp thời và bám sát tình hình Công ty cũng như yêu cầu của từng thời kỳ.

❖ **Các Nghị quyết, Quyết định mà HĐQT đã ban hành trong năm**

| S T T | Số Nghị quyết/ Quyết định/BB | Ngày | Nội dung |
|-------------|---------------------------------|------------|--|
| 1 | 14/BB-HĐQT | 09/02/2018 | Tổng kết tình hình SXKD của Công ty Quý IV và cả năm 2017; Triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 ; Thảo luận kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. |
| 2 | 14/NQ-HĐQT | 09/02/2018 | Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. |
| 3 | 15/NQ-HĐQT | 09/02/2018 | Chi tạm ứng thù lao năm 2018 cho các thành viên HĐQT, BKS và thư ký; Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018; Chủ trương đầu tư mua lại máy móc thiết bị(trừ ô tô vận tải đầu vào – đầu ra) của các đối tác đang làm thuê cho Công ty để phục vụ sản xuất. |
| 4 | 15/BB-HĐQT | 21/03/2018 | Thảo luận và Thống nhất các tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông, phân công nhiệm vụ chuẩn bị; giới thiệu nhân sự bầu bổ sung vị trí kiểm soát viên. |
| 5 | 16/NQ-HĐQT | 21/03/2018 | Thông qua nội dung các tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Thống nhất giới thiệu Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Nhân viên phòng KT-KH Công ty để ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 bầu bổ sung vào vị trí kiểm soát viên Công ty nhiệm kỳ 2016-2020, thay thế bà Vũ Thị Mây đã có đơn từ nhiệm gửi ĐHĐCĐ Công ty (Đơn từ nhiệm 19/3/2018. |

| | | | |
|----|-------------|------------|---|
| 6 | 16/BB-HĐQT | 05/04/2018 | Thảo luận việc chi cổ tức năm 2017 bằng tiền theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018. |
| 7 | 17/NQ-HĐQT | 05/04/2018 | Thông qua việc chi cổ tức năm 2017 bằng tiền theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 |
| 8 | 17/BB-HĐQT | 02/05/2018 | Đánh giá kết quả hoạt động SXKD và các công việc đã thực hiện trong quý I/2018; triển khai kế hoạch SXKD và các công việc tổ chức thực hiện trong thời gian tới. Thống nhất việc đầu tư mở rộng địa bàn kinh doanh. |
| 9 | 18/NQ-HĐQT | 02/05/2018 | Thống nhất chủ trương Công ty sẽ mở rộng địa bàn kinh doanh thông qua hình thức đầu tư mua cổ phần tại doanh nghiệp khác tại tỉnh Thái Nguyên. Thông qua việc thành lập ban nghiên cứu dự án đầu tư. |
| 10 | 10/QĐ- HĐQT | 02/05/2018 | Thành lập ban nghiên cứu dự án đầu tư mở rộng địa bàn kinh doanh. |
| 11 | 18/BB-HĐQT | 08/06/2018 | Đánh giá tình hình SXKD 05 tháng đầu năm 2018; triển khai kế hoạch SXKD các tháng tiếp theo. |
| 12 | 19/NQ-HĐQT | 08/06/2018 | Thống nhất Chủ trương đầu tư mở rộng địa bàn kinh doanh thông qua việc đầu tư mua lại Công ty cổ phần Đức Chung Thái Nguyên(mã DN 4601324133) tại tỉnh Thái Nguyên. |
| 13 | 19/BB-HĐQT | 13/08/2018 | Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh quý 2 và 06 tháng đầu năm 2018, triển khai kế hoạch SXKD quý 3 và 06 tháng cuối năm 2018; Thống nhất thông qua dự án đầu tư mở rộng địa bàn kinh doanh và triển khai các công việc có liên quan; Thông qua công tác nhân sự do Giám đốc quản lý. |
| 14 | 20/NQ-HĐQT | 13/08/2018 | Thông qua kết quả SXKD Quý 2 và 06 tháng đầu năm 2018, kế hoạch SXKD Quý 3 và 06 tháng cuối năm 2018 theo báo cáo của Giám đốc Công ty. Thống nhất dừng thực hiện việc mua lại máy móc thiết bị của các đối tác đang làm thuê cho Công ty để tập trung nguồn lực tài chính thực hiện dự án đầu tư mở rộng địa bàn kinh doanh. |
| 15 | 21/NQ-HĐQT | 13/08/2018 | Thống nhất thông qua dự án đầu tư mua lại 85% cổ phần tại Công ty cổ phần Đức Chung Thái Nguyên(Mã số doanh nghiệp 4601324133, địa chỉ Xóm làng mới 1, xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên) nhằm |

| | | | |
|----|-------------|------------|---|
| | | | mục đích thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển mở rộng địa bàn kinh doanh của Công ty. |
| 16 | 22/NQ-HĐQT | 13/08/2018 | Chủ trương huy động vốn của người lao động trong Công ty để thực hiện dự án mua cổ phần tại Cty cổ phần Đức Chung Thái Nguyên |
| 17 | 11/QĐ-HĐQT | 13/08/2018 | Đầu tư mua cổ phần tại Công ty cổ phần Đức Chung Thái Nguyên |
| 18 | 12/QĐ-HĐQT | 13/08/2018 | Cử người đại diện phân vốn góp của Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương tại Công ty cổ phần Đức Chung Thái Nguyên. |
| 19 | 23/NQ-HĐQT | 21/08/2018 | Chấp thuận các Hợp đồng/giao dịch sẽ ký giữa Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương với người nội bộ |
| 20 | 24/NQ-HĐQT | 07/09/2018 | Thông nhất thông qua bán thanh lý một số tài sản cố định |
| 21 | 20a/BB-HĐQT | 17/09/2018 | Thảo luận việc vay vốn và sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Hải Dương. |
| 22 | 25/NQ-HĐQT | 17/09/2018 | Thông qua việc vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Hải Dương); Cử người đại diện Công ty Cổ phần Khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương thương thảo, đàm phán, thông qua, ký kết hợp đồng với Ngân hàng. |
| 23 | 20b/BB-HĐQT | 19/10/2018 | Đánh giá kết quả hoạt động SXKD quý III và 09 tháng năm 2018; Phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD quý IV; Thảo luận, thông nhất việc đầu tư mua thêm để nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty cổ phần Đức Chung Thái Nguyên. |
| 24 | 26/NQ-HĐQT | 19/10/2018 | Thông qua kết quả SXKD Quý 3 và 09 tháng năm 2018; kế hoạch SXKD Quý 4 năm 2018. |
| 25 | 27/NQ-HĐQT | 19/10/2018 | Thông nhất đầu tư mua thêm để nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty cổ phần Đức Chung Thái Nguyên (Mã số doanh nghiệp 4601324133, địa chỉ Xóm làng mới 1, xã Tân Long, huyện Đông Hy, tỉnh Thái Nguyên) |
| 26 | 13/QĐ-HĐQT | 19/10/2018 | Đầu tư mua thêm để nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công |

| | | | |
|----|-------------|------------|---|
| | | | ty cổ phần Đức Chung Thái Nguyên. |
| 27 | 14/QĐ-HĐQT | 19/10/2018 | Cử người đại diện phần vốn góp của Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương tại Công ty cổ phần Đức Chung Thái Nguyên. |
| 28 | 28/NQ-HĐQT | 22/11/2018 | Thông nhất thông qua việc nhượng bán máy xúc đào bánh xích Kobelco SK-8, BKS 34XA-0477 và Búa phá đá quá cỡ Soosan SB60 đã qua sử dụng; Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý tài chính Công ty theo tờ trình số 03/TTr – GD ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Giám đốc Công ty. |
| 29 | 15/QĐ-HĐQT | 22/11/2018 | Thành lập Hội đồng Thanh lý/nhượng bán máy xúc đào bánh xích Kobelco SK-8, BKS 34XA-0477 và Búa phá đá quá cỡ Soosan SB60. |
| 30 | 16/QĐ-HĐQT | 27/11/2018 | Nhượng bán máy xúc đào bánh xích Kobelco SK-8, BKS 34XA-0477 và Búa phá đá quá cỡ Soosan SB60 |
| 31 | 17/QĐ- HĐQT | 27/11/2018 | Ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty |

- ❖ Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập: Không có
- ❖ Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: Không có

2. Ban kiểm soát

- ❖ Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Số lượng CP đang nắm giữ | Tỷ lệ sở hữu | Ghi chú |
|---------------------------|----------------|--------------------------|--------------|---------|
| Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền | Trưởng BKS | 13.500 | 0,78% | |
| Ông Vũ Văn Trào | Thành viên BKS | 840 | 0,05% | |
| Ông Nguyễn Ngọc Tuấn | Thành viên BKS | - | - | |

- ❖ Hoạt động của Ban kiểm soát

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát đã kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.

Theo dõi, giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc; Xem xét tính phù hợp của các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các nội quy, quy định, văn bản của Công ty.

Kiểm tra các chứng từ kế toán về tính hợp pháp, hợp lý và hợp lệ; kiểm soát sự tuân thủ các chế độ chính sách hiện hành.

- Thường xuyên tham gia cuộc họp của Hội đồng quản trị; Kiểm tra giám sát quá trình triển khai thực hiện kế hoạch theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Các cuộc họp của Ban kiểm soát trong năm

| Lần họp | Nội dung |
|-----------|--|
| Lần họp 1 | Đánh giá về kết quả giám sát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành năm 2017, triển khai kế hoạch hoạt động năm 2018; |
| Lần họp 2 | Triển khai các nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018. |

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát.

4.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

| STT | Thành viên | Chức danh | Tổng thu nhập (ĐVT: 1.000 đồng) | | |
|-----|--------------------------------|------------------------------|---------------------------------|---------------|-----------|
| | | | Thù lao HĐQT/BKS /thư ký | Lương, thưởng | Tổng cộng |
| I | Hội đồng quản trị/Ban giám đốc | | 420.000 | 957.621 | 1.377.621 |
| 1 | Phạm Thành Đô | Chủ tịch HĐQT | 108.000 | - | 108.000 |
| 2 | Đào Văn Dũng | Phó chủ tịch HĐQT – Giám đốc | 96.000 | 275.426 | 371.426 |
| 3 | Đỗ Quang Mạnh | TV HĐQT – Phó giám đốc | 72.000 | 234.997 | 306.997 |

| | | | | | |
|------------|---------------------------|---------------------------------|----------------|----------------|----------------|
| 4 | Trần Văn Sừ | TV HĐQT | 72.000 | 209.779 | 281.779 |
| 5 | Vũ Thăng Bình | TV HĐQT | 72.000 | . | 72.000 |
| 6 | Đoàn Văn Cường | Phó giám đốc | - | 237.419 | 237.419 |
| II | Ban kiểm soát | | 168.000 | 226.387 | 394.387 |
| 1 | Vũ Thị Mây | - | 18.000 | 7.961 | 25.961 |
| 2 | Nguyễn Thị Thanh Huyền | Trưởng BKS | 54.000 | 104.382 | 158.382 |
| 2 | Vũ Văn Trào | TV BKS | 48.000 | 114.044 | 162.044 |
| 3 | Nguyễn Ngọc Tuấn | TV BKS | 48.000 | - | 48.000 |
| III | Thư ký Công ty | | 72.000 | 225.595 | 297.595 |
| 1 | Nguyễn Hữu Khiêm | Thư ký HĐQT – Kế toán trưởng | 72.000 | 225.595 | 297.595 |

3.2 Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

- Công ty vay hạn không tài sản đảm bảo từ Ông Đào Văn Dũng – Phó chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty theo Hợp đồng vay số 01-2018/HĐVV ngày 22 tháng 8 năm 2018. Số tiền vay theo hợp đồng vay là 1.200.000.000 VND. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày Công ty nhận được đầy đủ số tiền vay. Lãi suất vay là 11%/năm, thanh toán lãi định kỳ 6 tháng một lần vào ngày thanh toán nợ gốc vay.
- Công ty vay dài hạn không tài sản đảm bảo từ Ông Trần Văn Sừ - thành viên HĐQT theo Hợp đồng vay số 02-2018/HĐVV ngày 22 tháng 8 năm 2018. Số tiền vay theo hợp đồng vay là 5.200.000.000 VND. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày Công ty nhận được đầy đủ số tiền vay. Lãi suất vay là 11%/năm, thanh toán lãi định kỳ 6 tháng một lần vào ngày thanh toán nợ gốc vay.
- Công ty vay hạn không tài sản đảm bảo từ Ông Đỗ Quang Mạnh – thành viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty theo Hợp đồng vay số 03-2018/HĐVV ngày 22 tháng 8 năm 2018. Số tiền vay theo hợp đồng vay là 1.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày Công ty nhận được đầy đủ số tiền vay. Lãi suất vay là 11%/năm, thanh toán lãi định kỳ 6 tháng một lần vào ngày thanh toán nợ gốc vay.

3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty.

Trong năm 2018 Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị Công ty, và thực hiện báo cáo kịp thời cũng như công bố thông tin định kỳ về tình hình quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo kiểm toán số 587/VN1A-HN-BC ngày 07 tháng 03 năm 2019 của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

2. Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán (kèm theo).

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

